

TP. HCM, ngày 27. tháng 4. năm 2012

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2012
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THẤP ÁP (PV GAS D)

1. Thời gian tổ chức Đại hội: **Từ 13h30 đến 17h00 ngày 09/5/2012.**
2. Địa điểm: Hội trường lầu 2, PV Gas Tower, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè, Tp. HCM.
3. Nội dung:
 - 13h30 – 14h00: Đón khách và thăm tra tư cách cổ đông.
 - 14h00 – 14h20: Khai mạc Đại hội.
Chào cờ, Tuyên bố lý do, Giới thiệu đại biểu
Báo cáo kiểm tra tư cách và xác nhận cổ đông tham dự.
Thông qua Đoàn Chủ tịch; Ban kiểm phiếu và bầu cử.
 - 14h20 – 14h25: Đoàn Chủ tịch cử nhân sự Ban Thư ký.
 - 14h25 – 14h30: Thông qua chương trình nghị sự và Quy chế làm việc của Đại hội.
 - 14h30 – 14h40: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2011 đã kiểm toán.
 - 14h40 – 14h45: Thông qua Báo cáo kết quả SXKD, trích lập các quỹ, phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2011.
 - 14h45 – 14h50: Thông qua báo cáo tiền lương, thù lao HĐQT và BKS năm 2011 và kế hoạch năm 2012.
 - 14h50 – 15h00: Thông qua báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2011 và kế hoạch năm 2012.
 - 15h00 – 15h10: Xin ý kiến ĐHĐCĐ thông qua các Tờ trình về Sửa đổi Điều lệ, Thay đổi TV. HĐQT.
 - 15h10 – 15h20: Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2011 và kế hoạch năm 2012.
 - 15h20 – 15h40: Bầu cử HĐQT và BKS.
 - 15h40 – 15h55: Nghỉ giải lao.
 - 15h55 – 16h20: Thông qua Kế hoạch SXKD, kế hoạch phương án trích quỹ, phân phối lợi nhuận, chia cổ tức và chọn đơn vị kiểm toán năm 2012.
 - 16h20 – 16h30: Xin ý kiến ĐHĐCĐ thông qua chủ trương đầu tư dự án Hệ thống phân phối khí thấp áp cho KCN Tiền Hải – Thái Bình
 - 16h30 – 16h40: Thông qua kết quả bầu cử và kiểm phiếu.
 - 16h40 – 16h50: Ra mắt HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2012 – 2017.
 - 16h50 – 17h00: Thông qua nghị quyết Đại hội, tuyên bố bế mạc, chào cờ.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phạm Văn Huệ

TP. HCM, ngày. 23 .tháng. 3 ..năm 2012

QUY CHẾ LÀM VIỆC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2012
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THẤP ÁP

I. Mục tiêu:

- Đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng, dân chủ và tuân thủ pháp luật;
- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức, an toàn, trật tự trong quá trình diễn ra Đại hội.

II. Ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông:

- Cổ đông có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham gia vào các vấn đề của Công ty trong phạm vi quyền hạn của mình. Người được ủy quyền không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty. Người được ủy quyền được thực hiện các quyền trong phạm vi được ủy quyền phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người thứ ba.
- Việc cử đại diện và ủy quyền, thay đổi đại diện và người được ủy quyền phải được thực hiện bằng văn bản theo đúng những quy định:
 1. Trường hợp cổ đông là cá nhân thì văn bản ủy quyền phải là văn bản gốc có đầy đủ chữ ký của người ủy quyền và người nhận ủy quyền.
 2. Trường hợp cổ đông là pháp nhân/tổ chức thì văn bản ủy quyền phải là văn bản gốc có đầy đủ chữ ký của bên ủy quyền, bên nhận ủy quyền và phải được đóng dấu và được ký bởi người đại diện theo pháp luật của pháp nhân/tổ chức đó.

III. Trật tự của Đại hội:

- Tất cả các cổ đông đến tham dự Đại hội ăn mặc chỉnh tề.
- Cổ đông khi vào phòng Đại hội phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức Đại hội quy định. Tuyệt đối tuân thủ việc sắp xếp vị trí của Ban tổ chức.
- Không hút thuốc lá trong Phòng Đại hội.
- Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội. Tất cả các máy điện thoại di động phải tắt hoặc không được để chuông.

IV. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội:

1. **Nguyên tắc:** Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội (trừ các vấn đề được thông qua bằng hình thức bỏ phiếu kín) đều được thông



qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết công khai của tất cả cổ đông bằng Phiếu biểu quyết theo số cổ phần sở hữu và đại diện. Mỗi cổ đông được cấp một Phiếu biểu quyết trong đó ghi mã số cổ đông, họ và tên cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền), số cổ phần được quyền biểu quyết (sở hữu và ủy quyền) của cổ đông và có đóng dấu treo của Công ty cổ phần CP Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam.

2. **Cách biểu quyết:** Cổ đông biểu quyết (đồng ý, không đồng ý hoặc không có ý kiến) một vấn đề bằng cách giơ phiếu.

3. **Thông qua quyết định của Đại hội cổ đông:**

- Quyết định của Đại hội cổ đông được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông đồng ý.
- Riêng quyết định liên quan đến các nội dung được quy định tại điều 21.2 Điều lệ công ty chỉ được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông đồng ý.

V. Trách nhiệm của Chủ tịch đoàn:

1. Điều khiển Đại hội theo đúng chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế đã được Đại hội thông qua. Chủ tịch đoàn làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.
2. Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.
3. Giải quyết các vấn đề nảy sinh trong suốt quá trình Đại hội.

VI. Trách nhiệm của Ban thư ký.

1. Ghi chép đầy đủ trung thực toàn bộ nội dung diễn biến đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý của Đại hội.
2. Soạn thảo Biên bản Đại hội và các Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.

VII. Trách nhiệm của Ban kiểm phiếu và bầu cử

1. Xác định kết quả biểu quyết và bầu cử của cổ đông về các vấn đề thông qua tại Đại hội.
2. Nhanh chóng thông báo cho Chủ tịch đoàn kết quả biểu quyết.

**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI
KHÍ THÁP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 19

ĐƯỢC
C
BÁO
E
V
ĐI

A
C
C
AN
ÁP
VII
/ 1

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THẤP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Số 45 Võ Thị Sáu, phường Đakao, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Văn Huệ	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Sơn	Phó Chủ tịch
Ông Đoàn Quang Vinh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 04 tháng 10 năm 2011)
Ông Trần Đức Sơn	Thành viên (bổ nhiệm ngày 04 tháng 10 năm 2011)
Ông Trần Ngọc Trinh	Thành viên
Ông Cao Khánh Hưng	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Ngọc Huy	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Ngày 15 tháng 02 năm 2012

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Số: 919 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 3 đến trang 19. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0036/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 15 tháng 02 năm 2012
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Trần Huy Công
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0891/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		1.429.181.456.196	898.720.677.897
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	773.144.004.554	431.787.889.686
1. Tiền	111		405.144.004.554	393.787.889.686
2. Các khoản tương đương tiền	112		368.000.000.000	38.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		619.862.068.866	456.943.365.475
1. Phải thu khách hàng	131		582.547.371.097	331.637.789.750
2. Trả trước cho người bán	132	6	33.051.242.028	122.314.037.399
3. Các khoản phải thu khác	135	7	4.263.455.741	2.991.538.326
III. Hàng tồn kho	140	8	9.378.123.496	7.147.762.221
1. Hàng tồn kho	141		9.378.123.496	7.147.762.221
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		26.797.259.280	2.841.660.515
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.461.070.597	2.186.375.715
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		24.828.103.883	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		508.084.800	655.284.800
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+260)	200		299.180.189.163	78.846.631.229
I. Tài sản cố định	220		297.339.271.463	77.883.074.458
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	56.100.460.126	63.069.971.981
- Nguyên giá	222		101.421.684.567	100.177.269.626
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(45.321.224.441)	(37.107.297.645)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	1.074.014.922	118.653.497
- Nguyên giá	228		1.688.749.600	272.849.600
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(614.734.678)	(154.196.103)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	240.164.796.415	14.694.448.980
II. Tài sản dài hạn khác	260		1.840.917.700	963.556.771
1. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	144.259.671
2. Tài sản dài hạn khác	268		1.840.917.700	819.297.100
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.728.361.645.359	977.567.309.126

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 19 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MÃ SỐ B 01-DN
 Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		850.139.386.852	259.583.588.015
I. Nợ ngắn hạn	310		850.060.521.286	259.503.334.449
1. Phải trả người bán	312	12	807.917.726.253	203.034.145.881
2. Người mua trả tiền trước	313		-	83.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	16.248.940.904	45.245.958.054
4. Phải trả người lao động	315		5.473.158.866	5.824.734.493
5. Chi phí phải trả	316		87.650.000	577.038.682
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	14	12.465.712.524	891.118.489
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		7.867.332.739	3.847.338.850
II. Nợ dài hạn	330		78.865.566	80.253.566
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		78.865.566	80.253.566
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400	15	878.222.258.507	717.983.721.111
I. Vốn chủ sở hữu	410		878.222.258.507	717.983.721.111
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		429.000.000.000	428.622.300.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		191.921.745.441	108.565.671.943
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		32.946.731.029	22.099.660.111
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		224.353.782.037	158.696.089.057
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		1.728.361.645.359	977.567.309.126



Nguyễn Văn Sơn
 Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 02 năm 2012

Thủy

Nguyễn Phương Thủy
 Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2011	2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	16	3.342.207.599.649	2.123.424.732.861
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		3.342.207.599.649	2.123.424.732.861
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	17	2.813.581.882.991	1.707.174.452.608
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		528.625.716.658	416.250.280.253
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		31.947.364.150	18.127.672.546
7. Chi phí tài chính	22		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		128.996.743.204	129.272.429.713
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		28.193.194.813	20.087.477.289
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		403.383.142.791	285.018.045.797
11. Thu nhập khác	31		3.827.132.521	4.281.057.361
12. Chi phí khác	32		2.139.812.556	45.875.000
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	18	1.687.319.965	4.235.182.361
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 40 + 30)	50		405.070.462.756	289.253.228.158
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	19	101.165.365.689	72.456.069.460
16. Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		144.259.671	(144.259.671)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		303.760.837.396	216.941.418.369
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	20	7.082	6.241



Nguyễn Văn Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 02 năm 2012

Nguyễn Phương Thủy
Nguyễn Phương Thủy
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 19 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2011	2010
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	405.070.462.756	289.253.228.158
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	12.078.972.677	11.393.180.590
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(33.627.401.594)	(18.104.979.364)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	383.522.033.839	282.541.429.384
(Tăng) các khoản phải thu	09	(155.336.642.584)	(157.391.007.946)
(Tăng) hàng tồn kho	10	(2.230.361.275)	(745.933.685)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	482.468.862.469	(16.733.399.019)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước và tài sản ngắn hạn khác	12	(149.115.482)	12.906.869.770
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(127.977.110.720)	(27.430.611.398)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(11.180.006.111)	(8.252.441.585)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	569.117.660.136	84.894.905.521
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(132.026.351.076)	(131.561.697.125)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	3.819.850.000	23.181.818
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	3.360.000.000
4. Thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	28.804.795.808	17.968.228.711
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(99.401.705.268)	(110.210.286.596)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	377.700.000	98.622.300.000
2. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	(128.737.540.000)	(129.087.718.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(128.359.840.000)	(30.465.418.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	341.356.114.868	(55.780.799.075)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	431.787.889.686	487.568.688.761
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	773.144.004.554	431.787.889.686



Nguyễn Văn Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 02 năm 2012

Nguyễn Phương Thúy

Nguyễn Phương Thúy
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 19 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động tại Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103006815 ngày 23 tháng 5 năm 2007. Ngày 05 tháng 12 năm 2010, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 5 số 0304998686 với vốn điều lệ là 429 tỷ đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 161 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 154).

Công ty có trụ sở chính đặt tại 45 Võ Thị Sáu, phường Đakao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày phát hành báo cáo này, Công ty đã chuyển trụ sở về Tầng 7, Tòa nhà PV Gas Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh và đang làm thủ tục thay đổi lại địa chỉ trụ sở chính.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty bao gồm kinh doanh và vận chuyển khí thấp áp bằng đường ống; mua bán khí công nghiệp (không mua bán gas tại thành phố Hồ Chí Minh), vật tư, máy móc, thiết bị hóa chất và phương tiện vận chuyển ngành dầu khí; tư vấn chuyển giao công nghệ; xây dựng công trình công nghiệp, hệ thống đường ống, kho bãi, trạm chiết phục vụ ngành dầu khí; mua bán, vận chuyển xăng, dầu nhớt, các sản phẩm khí khô, kinh doanh LPG, CNG, LNG và các sản phẩm có nguồn gốc từ dầu, khí (không mua bán gas tại trụ sở Công ty); cung cấp dịch vụ hoàn cải phương tiện vận tải (trừ gia công cơ khí, xi mạ điện, tái chế phế thải tại trụ sở Công ty; không thiết kế phương tiện vận tải); mua bán, lắp đặt, sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị chuyển đổi sử dụng cho phương tiện giao thông vận tải và máy móc - thiết bị ngành nông - lâm - ngư nghiệp; mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất; kinh doanh bất động sản; thi công xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư và khai thác khoáng sản.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 tại Thuyết minh số 22.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>2011</u> (số năm)
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 6
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3 - 6

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	992.451.357	379.836.153
Tiền gửi ngân hàng	404.151.553.197	393.408.053.533
Các khoản tương đương tiền (i)	368.000.000.000	38.000.000.000
	<u>773.144.004.554</u>	<u>431.787.889.686</u>

(i) Phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản ủy thác quản lý vốn ngắn hạn nhỏ hơn hoặc bằng 3 tháng tại các tổ chức tín dụng.

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp khí	-	115.704.294.615
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2 (i)	22.748.000.000	-
Khác	10.303.242.028	6.609.742.784
	<u>33.051.242.028</u>	<u>122.314.037.399</u>

(i) Ngày 17 tháng 01 năm 2011, Công ty đã ký Hợp đồng số 01/2011/PVGASD-PVC2/QLDA với Liên danh tổng thầu (EPC) đại diện là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2 về việc "Thiết kế - mua sắm vật tư thiết bị và thi công xây lắp công trình Trụ sở các Công ty PVGAS D và PVGAS S tại Vũng Tàu", giá trị hợp đồng (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng) tạm tính là 64.000.000.000 đồng. Công ty đã tạm ứng cho EPC (đại diện là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2) số tiền là 22.748.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Phải thu cán bộ công nhân viên nộp hộ tiền mua cổ phiếu của Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần	-	1.381.617.779
Phải thu tiền lãi dự thu	3.364.888.889	222.320.547
Tạm hạch toán thuế GTGT đầu vào chưa kê khai	-	1.131.000.000
Phải thu về thuế thu nhập cá nhân nộp hộ nhân viên	786.966.852	-
Các khoản phải thu khác	111.600.000	256.600.000
	<u>4.263.455.741</u>	<u>2.991.538.326</u>

8. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	8.949.730.685	6.730.869.298
Công cụ, dụng cụ	428.392.811	416.892.923
Tổng	<u>9.378.123.496</u>	<u>7.147.762.221</u>
Trừ: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	<u>9.378.123.496</u>	<u>7.147.762.221</u>

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2011	3.124.816.993	87.624.385.043	5.609.302.691	3.818.764.899	100.177.269.626
Mua sắm mới	-	4.656.124.795	609.900.000	1.522.710.008	6.788.734.803
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(5.282.781.942)	(261.537.920)	(5.544.319.862)
Tại ngày 31/12/2011	<u>3.124.816.993</u>	<u>92.280.509.838</u>	<u>936.420.749</u>	<u>5.079.936.987</u>	<u>101.421.684.567</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2011	1.051.277.596	31.076.430.108	2.632.895.962	2.346.693.979	37.107.297.645
Khấu hao trong năm	555.315.406	9.429.462.939	724.890.187	908.765.570	11.618.434.102
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(3.142.969.386)	(261.537.920)	(3.404.507.306)
Tại ngày 31/12/2011	<u>1.606.593.002</u>	<u>40.505.893.047</u>	<u>214.816.763</u>	<u>2.993.921.629</u>	<u>45.321.224.441</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2011	1.518.223.991	51.774.616.791	721.603.986	2.086.015.358	56.100.460.126
Tại ngày 31/12/2010	2.073.539.397	56.547.954.935	2.976.406.729	1.472.070.920	63.069.971.981

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 2.175.917.126 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 1.413.871.749 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<u>Phân mềm máy tính</u> <u>VND</u>	<u>Khác</u> <u>VND</u>	<u>Tổng cộng</u> <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2011	272.849.600	-	272.849.600
Tăng trong năm	1.347.100.000	68.800.000	1.415.900.000
Tại ngày 31/12/2011	1.619.949.600	68.800.000	1.688.749.600
HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2011	154.196.103	-	154.196.103
Khấu hao trong năm	443.338.575	17.200.000	460.538.575
Tại ngày 31/12/2011	597.534.678	17.200.000	614.734.678
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2011	1.022.414.922	51.600.000	1.074.014.922
Tại ngày 31/12/2010	118.653.497	-	118.653.497

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<u>31/12/2011</u> <u>VND</u>	<u>31/12/2010</u> <u>VND</u>
Dự án phân phối khí thấp áp cho các Khu công nghiệp huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai - Giai đoạn 1	204.572.045.407	13.886.852.500
Hệ thống phân phối khí thấp áp Khu công nghiệp Hiệp Phước	29.684.879.663	460.570.440
Văn phòng điều hành Công ty tại thành phố Vũng Tàu	5.255.425.344	-
Khác	652.446.001	347.026.040
	240.164.796.415	14.694.448.980

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	<u>31/12/2011</u> <u>VND</u>	<u>31/12/2010</u> <u>VND</u>
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	788.086.974.055	196.543.372.481
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp khí	18.700.869.264	-
Khác	1.129.882.934	6.490.773.400
	807.917.726.253	203.034.145.881

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2011</u> <u>VND</u>	<u>31/12/2010</u> <u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	-	2.453.370.818
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.830.837.163	42.642.582.194
Thuế thu nhập cá nhân	418.103.741	150.005.042
	16.248.940.904	45.245.958.054

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Phải trả Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam (i)	11.374.000.000	-
Cồ tức phải trả	725.132.000	762.672.000
Phải trả, phải nộp khác	366.580.524	128.446.489
	12.465.712.524	891.118.489

(i) Ngày 08 tháng 12 năm 2010, Công ty đã ký Hợp đồng số 28/2010/KTA-GAS S/QLDA với Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam (PVGAS S) về việc “Hợp tác đầu tư xây dựng và khai thác công trình Trụ sở các Công ty PVGAS D và PVGAS S tại Vũng Tàu” trên đất do Công ty và PVGAS S quản lý tại phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, với tỷ lệ góp vốn là PVGAS D góp 50%, PVGAS S góp 50% tổng vốn đầu tư. Giá trị tạm tính của hợp đồng là 68.884.298.891 đồng. Ngày 06 tháng 5 năm 2011, Công ty đã nhận tiền tạm ứng từ PVGAS S với số tiền là 11.374.000.000 đồng.

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi về vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn CSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2010	330.000.000.000	-	22.099.660.111	600.000.000	157.665.271.584	510.364.931.695
Góp vốn	98.622.300.000	-	-	-	-	98.622.300.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	216.941.418.369	216.941.418.369
Trích từ lợi nhuận	-	108.565.671.943	-	-	(117.310.600.896)	(8.744.928.953)
Hoàn nhập quỹ đã trích	-	-	-	(400.000.000)	400.000.000	-
Chí quỹ	-	-	-	(200.000.000)	-	(200.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(99.000.000.000)	(99.000.000.000)
Tại ngày 31/12/2010	428.622.300.000	108.565.671.943	22.099.660.111	-	158.696.089.057	717.983.721.111
Góp vốn	377.700.000	-	-	-	-	377.700.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	303.760.837.396	303.760.837.396
Trích từ lợi nhuận (i)	-	83.356.073.498	10.847.070.918	-	(94.203.144.416)	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	-	(15.000.000.000)	(15.000.000.000)
Trích Quỹ thưởng Ban điều hành	-	-	-	-	(200.000.000)	(200.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(128.700.000.000)	(128.700.000.000)
Tại ngày 31/12/2011	429.000.000.000	191.921.745.441	32.946.731.029	-	224.353.782.037	878.222.258.507

(i) Trong năm 2011, Công ty đã trích lập Quỹ đầu tư phát triển với số tiền là 83.356.073.498 đồng, Quỹ dự phòng tài chính với số tiền 10.847.070.918 đồng từ lợi nhuận sau thuế của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 ngày 28 tháng 02 năm 2011.

Công ty cũng thực hiện tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2011 theo phương án được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 ngày 28 tháng 02 năm 2011 với số tiền là 15.000.000.000 đồng. Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng số tiền trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi nêu trên sẽ được Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty phê duyệt trong năm 2012.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Thông tin chi tiết về vốn góp của các cổ đông của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

	Số vốn thực góp tại ngày 31/12/2011		Số vốn thực góp tại ngày 31/12/2010	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	216.645.000.000	50,50	144.375.000.000	33,68
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc	-	-	61.875.000.000	14,44
Các cổ đông khác	212.355.000.000	49,50	222.372.300.000	51,88
	429.000.000.000	100,00	428.622.300.000	100,00

Số lượng cổ phần Công ty đăng ký và đã phát hành ra công chúng tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 42.900.000 cổ phần. Mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

Cổ tức:

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 ngày 28 tháng 02 năm 2011, Công ty đã công bố và chi trả cổ tức đợt 2 từ lợi nhuận sau thuế năm 2010 trong năm 2011 với số tiền là 64.350.000.000 đồng (tương đương với 1.500 đồng/cổ phần).

Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 09 tháng 8 năm 2011, Công ty đã tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2011 với số tiền 64.350.000.000 đồng (tương đương 1.500 đồng/cổ phần). Mức cổ tức chính thức năm 2011 sẽ được Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty thông qua trong năm 2012.

16. DOANH THU

	2011 VND	2010 VND
Doanh thu bán khí	3.341.854.310.245	2.123.424.732.861
Doanh thu cung cấp dịch vụ	353.289.404	-
	3.342.207.599.649	2.123.424.732.861

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2011 VND	2010 VND
Giá vốn bán khí	2.813.578.014.279	1.707.174.452.608
Giá vốn cung cấp dịch vụ	3.868.712	-
	2.813.581.882.991	1.707.174.452.608

18. LỢI NHUẬN KHÁC

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	3.819.850.000	23.181.818
Các khoản khác	7.282.521	4.257.875.543
Thu thập khác	3.827.132.521	4.281.057.361
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	2.139.812.556	45.875.000
Chi phí khác	2.139.812.556	45.875.000
Lợi nhuận khác	1.687.319.965	4.235.182.361

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:

	<u>2011</u>	<u>2010</u>
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	405.070.462.756	289.253.228.158
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: các khoản thu nhập không chịu thuế	577.000.000	167.989.000
- Thu nhập từ cổ tức	-	167.989.000
- Chi phí năm 2010 trích trước	577.000.000	-
Cộng: các khoản chi phí không được khấu trừ	168.000.000	739.038.682
- Chi phí năm 2010 trích trước	-	577.038.682
- Thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	168.000.000	162.000.000
 Thu nhập chịu thuế	 404.661.462.756	 289.824.277.840
Thuế suất thông thường	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>101.165.365.689</u>	<u>72.456.069.460</u>

20. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	<u>2011</u>	<u>2010</u>
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	303.760.837.396	216.941.418.369
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính	42.891.722	34.759.022
lãi cơ bản trên cổ phiếu		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.082	6.241

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>2011</u>	<u>2010</u>
	VND	VND
Chi phí mua khí	2.813.578.014.279	1.707.174.452.608
Chi phí nhân viên	42.175.865.167	38.477.206.599
Chi phí dụng cụ đồ dùng	2.156.100.918	2.174.919.501
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.078.972.677	11.393.180.590
Chi phí thuê tài sản cố định	60.010.850.004	60.010.850.004
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.845.555.402	12.136.817.663
Chi phí lợi thế kinh doanh	-	7.361.063.173
Chi phí thuê văn phòng	4.361.974.913	2.982.212.100
Chi phí quảng cáo	3.556.675.586	2.299.132.806
Chi phí thưởng an toàn	1.702.536.561	1.419.799.030
Chi phí khác	16.305.275.501	11.104.725.536
	<u>2.970.771.821.008</u>	<u>1.856.534.359.610</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm phần vốn chủ sở hữu (vốn góp của các cổ đông, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	773.144.004.554	431.787.889.686
Phải thu khách hàng và phải thu khác	586.810.826.838	334.629.328.076
Tổng cộng	1.359.954.831.392	766.417.217.762
Công nợ tài chính		
Phải trả khách hàng và phải trả khác	820.383.438.777	203.925.264.370
Chi phí phải trả	87.650.000	577.038.682
Tổng cộng	820.471.088.777	204.502.303.052

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các rủi ro tài chính liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và cho rằng Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự biến động của tỷ giá, lãi suất và sự thay đổi về giá cả của hàng hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và không bao gồm tiền lãi do Công ty không có các khoản công nợ chịu lãi suất. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2011	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả khách hàng và phải trả khác	820.383.438.777	-	820.383.438.777
Chi phí phải trả	87.650.000	-	87.650.000
	820.471.088.777	-	820.471.088.777
31/12/2010	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả khách hàng và phải trả khác	203.925.264.370	-	203.925.264.370
Chi phí phải trả	577.038.682	-	577.038.682
	204.502.303.052	-	204.502.303.052

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2011	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	773.144.004.554	-	773.144.004.554
Phải thu khách hàng và phải thu khác	586.810.826.838	-	586.810.826.838
	1.359.954.831.392	-	1.359.954.831.392
31/12/2010	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	431.787.889.686	-	431.787.889.686
Phải thu khách hàng và phải thu khác	334.629.328.076	-	334.629.328.076
	766.417.217.762	-	766.417.217.762

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2011	2010
	VND	VND
Mua hàng		
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	2.874.632.646.077	1.767.185.302.612
- Mua khí	2.813.578.014.279	1.707.174.452.608
- Thuê văn phòng	1.043.781.794	-
- Thuê công trình "Hệ thống phân phối khí thấp áp giai đoạn 2"	60.010.850.004	60.010.850.004
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp khí	217.610.584.717	-
Bán hàng		
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	350.131.766.611	102.844.610.029
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	282.282.081.334	96.795.391.061
Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi chuyển nhượng cổ phần đầu tư tại Công ty Cổ phần CNG Việt Nam cho Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	-	940.800.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí	5.401.111.111	2.307.260.274
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí	931.950.000	393.205.479
Thn nhập Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	3.122.923.499	3.247.468.697

Số dư với các bên liên quan:

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Ủy thác quản lý vốn ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí	50.000.000.000	35.000.000.000
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí	10.000.000.000	3.000.000.000
Phải thu khách hàng		
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	147.400.074.566	49.445.121.017
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	85.531.438.299	27.569.867.325
Phải thu khác		
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí	276.111.111	-
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí	7.777.778	-
Trả trước cho người bán		
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2	22.748.000.000	-
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Tư vấn Quản lý Dự án Khí	1.012.779.957	200.059.169
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp khí	-	115.704.294.615
Công ty TNHH MTV Kiểm định Kỹ thuật An toàn Dầu khí Việt Nam	58.722.955	22.239.800
Công ty Cổ phần Tư vấn Dự án Điện lực Dầu khí	1.851.929.823	1.851.929.823
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Dịch vụ Khí	-	1.846.134.276
Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam - Công ty cổ phần	455.002.375	-
Công ty Cổ phần Công nghệ An toàn Dầu khí Việt Nam	5.291.322.391	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Dầu khí	591.000.000	-
Phải trả người bán		
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	788.086.974.055	196.543.372.481
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp khí	18.700.869.264	-
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Cửu Long	118.043.874	-
Phải trả, phải nộp khác		
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	11.439.689.318	-
- Phải trả tiền góp vốn đầu tư	11.374.000.000	-
- Phải trả tiền mua khí CNG sử dụng cho ô tô	65.689.318	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Ngày 26 tháng 10 năm 2007, Công ty đã ký Hợp đồng số 01-PTL-VTLP với Công ty TNHH Petro Tower để thuê văn phòng tại tòa nhà Petro Tower (Thành phố Vũng Tàu). Theo Phụ lục hợp đồng ký ngày 14 tháng 8 năm 2009, số tiền thuê hàng tháng là 8.576 Đô la Mỹ.

Ngày 18 tháng 8 năm 2009, Công ty đã ký Hợp đồng thuê tài sản số 120/2009/PV GAS-TC-PV GAS D/D4 với Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH MTV (nay là Tổng Công ty khí Việt Nam - Công ty Cổ phần) để thuê Hệ thống khí thấp áp giai đoạn 2. Số tiền thuê hàng tháng là 5.000.904.167 đồng kể từ ngày 14 tháng 8 năm 2008.

Ngày 01 tháng 12 năm 2011, Công ty đã ký Hợp đồng số 314/HĐ/PVGAS/DAD-PVG.D/D4 với Tổng Công ty khí Việt Nam - Công ty Cổ phần để thuê văn phòng tại tòa nhà PVGas Tower với thời hạn năm (02) năm kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2011 với giá thuê hàng tháng là 22,5 Đô la Mỹ/m².

Cam kết mua hàng

Theo Hợp đồng mua bán khí số 34/2009/PVGAS/KTTT-PVGAS D/B1 ngày 31 tháng 3 năm 2009 giữa Tổng Công ty khí Việt Nam - Công ty TNHH MTV (nay là Tổng Công ty khí Việt Nam - Công ty Cổ phần) và Công ty có thời hạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến 31 tháng 12 năm 2011, giá mua khí từ Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần áp dụng trong năm 2011 là từ 4,6 Đô la Mỹ/MMBTU đến 8 Đô la Mỹ/MMBTU (giá mua khí áp dụng trong năm 2010 từ 3,78 Đô la Mỹ/MMBTU đến 4,98 Đô la Mỹ/MMBTU). Giá mua khí các năm tiếp theo sẽ được thỏa thuận lại khi kết thúc năm tài chính.

Cam kết vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty có các khoản cam kết vốn liên quan tới một số hợp đồng đầu tư xây dựng cơ bản lớn đang thực hiện chưa hoàn thành như sau:

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Dự án phân phối khí thấp áp cho các Khu công nghiệp huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai - Giai đoạn 1	42.468.400.565	115.704.294.616
Hệ thống phân phối khí thấp áp Khu công nghiệp Hiệp Phước	17.276.049.958	34.552.049.958
Văn phòng điều hành Công ty tại thành phố Vũng Tàu	36.695.266.000	-

25. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.



Nguyễn Văn Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 02 năm 2012

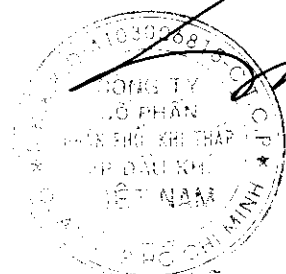
Nguyễn Phương Thúy
Kế toán trưởng

**BÁO CÁO KQSXKD, PHƯƠNG ÁN TRÍCH LẬP CÁC QUỸ, PHÂN PHỐI
LỢI NHUẬN VÀ CHIA CỔ TỨC NĂM 2011 CỦA PVGAS D**

Stt	Chi tiêu	ĐVT	KH đã được thông qua	Thực hiện
1	Vốn điều lệ	Tỷ đ	429	429
2	Doanh thu	Tỷ đ	3,158	3,342
3	Giá vốn hàng bán	Tỷ đ	2,707	2,814
4	Tổng chi phí (Trong đó: CP Lương trích 19đ/1000đ DT)	Tỷ đ	284	157.19
5	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tỷ đ	172	405.07
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đ	129	303.76
7	Trích quỹ đầu tư phát triển	Tỷ đ		143.91
8	Trích quỹ dự phòng tài chính (5%)	Tỷ đ	6	9.95
9	Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (5%)	Tỷ đ	6	6
10	Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi (3 tháng lương)	Tỷ đ	15	9.66
11	Khen thưởng cho Ban điều hành Cty	Tỷ đ	0.30	0.20
12	Chia cổ tức:	Tỷ đ	100	128.70
	- Đã tạm ứng cổ tức lần 1/2011 (15% VDL)	Tỷ đ		64.35
	- Dự kiến chia cổ tức lần 2/2011 (15% VDL)	Tỷ đ		64.35
13	Lợi nhuận giữ lại	Tỷ đ		5.34
14	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đ/CP		7,082

TP HCM, Ngày 25 tháng 4 năm 2012

Nguyễn Văn Sơn **Giám đốc**



Nguyễn Văn Sơn

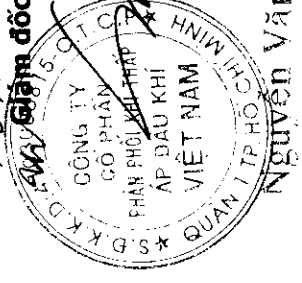
TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THẤP ÁP
BÁO CÁO TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT NĂM 2011

Stt	Họ và tên	Chức danh	Kế hoạch đã được ĐHCĐ thông qua Năm 2011			Thực hiện Năm 2011			Ghi chú
			Tổng số tiền (đồng)	Trong đó		Tổng số tiền (đồng)	Trong đó		
				Tiền lương, thưởng từ quỹ lương (đồng)	Tiền thù lao (đồng)		Tiền lương, thưởng từ quỹ lương (đồng)	Tiền thù lao (đồng)	
1	Phạm Văn Huệ	CTHĐQT	750.000.000	750.000.000		749.184.258	749.184.258		Chuyên trách Kiểm nhiệm từ tháng 12/2007 đến 10/2011.
2	Đoàn Quang Vinh	TVHĐQT	36.000.000		36.000.000	27.000.000		27.000.000	
3	Trần Đức Sơn	TVHĐQT				9.000.000		9.000.000	Kiểm nhiệm từ ngày 04/10/2011 thay Ông Đoàn Quang Vinh theo Nghị quyết 13/NQ-HĐQT/2011 ngày 4/10/2011
4	Cao Khánh Hưng	TVHĐQT	36.000.000		36.000.000	36.000.000		36.000.000	Kiểm nhiệm
5	Trần Ngọc Trinh	TVHĐQT	36.000.000		36.000.000	36.000.000		36.000.000	Kiểm nhiệm
6	Vũ Quý Hiệu	TBKS	24.000.000		24.000.000	24.000.000		24.000.000	Kiểm nhiệm
7	Cao Thị Thanh Bình	TVBKS	18.000.000		18.000.000	18.000.000		18.000.000	Kiểm nhiệm
8	Đặng Thị Hồng Yến	TVBKS	18.000.000		18.000.000	18.000.000		18.000.000	Kiểm nhiệm
	Cộng		918.000.000	750.000.000	168.000.000	917.184.258	749.184.258	168.000.000	

Ghi chú: Chức danh chuyển trách hoặc kiêm nhiệm hưởng lương tại PV GAS D thì không hưởng thù lao.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 3 năm 2012

Giám đốc



Nguyễn Văn Sơn

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THẤP ÁP

BÁO CÁO KẾ HOẠCH TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT NĂM 2012

STT	Chức danh	Số người	Tổng số tiền (đồng)	Trong đó		Ghi chú
				Tiền lương và thưởng từ quỹ lương (đồng)	Tiền thù lao (đồng)	
1	Chủ tịch HĐQT	1	950.000.000	950.000.000		Chuyên trách
2	Ủy viên HĐQT	4	144.000.000		144.000.000	Kiểm nhiệm
3	Trưởng Ban kiểm soát	1	24.000.000		24.000.000	Kiểm nhiệm
4	Ủy viên Ban kiểm soát	2	36.000.000		36.000.000	Kiểm nhiệm
	Cộng		1.154.000.000	950.000.000	204.000.000	

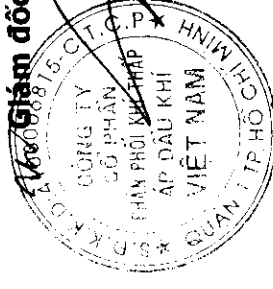
Ghi chú: - Chức danh chuyên trách hoặc kiêm nhiệm hưởng lương tại PVGAS D thì không hưởng thù lao.

- Mức thù lao được hưởng như sau:

- + Thành viên HĐQT không quá 3 triệu đồng/tháng.
- + Thành viên BKS không quá 2 triệu đồng/tháng (Trưởng BKS 2 triệu đồng/tháng; TV.BKS 1,5 triệu đồng/tháng) .

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 3 năm 2012

Giám đốc



Nguyễn Văn Sơn

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

NĂM 2011 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2012

I. Tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2011:

Hội đồng quản trị Công ty năm 2011 gồm 05 thành viên:

- Ông Phạm Văn Huệ - Chủ tịch chuyên trách;
- Ông Nguyễn Văn Sơn - Phó Chủ tịch kiêm nhiệm;
- Ông Trần Ngọc Trinh - Ủy viên kiêm nhiệm;
- Ông Cao Khánh Hưng - Ủy viên kiêm nhiệm;
- Ông Đoàn Quang Vinh - Ủy viên kiêm nhiệm;
- Ông Trần Đức Sơn - Ủy viên kiêm nhiệm (Thay ông Đoàn Quang Vinh từ tháng 10/2011).

Để thực hiện nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) giao, kể từ sau ĐHĐCĐ thường niên Công ty năm 2011 đến nay, Hội đồng quản trị Công ty (HĐQT) đã tích cực triển khai các hoạt động theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy chế hoạt động của HĐQT, cụ thể như sau:

1. Về công tác chỉ đạo và giám sát thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2011:

Năm 2011 vừa qua, trên cơ sở kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được ĐHĐCĐ thông qua, HĐQT đã bám sát tình hình thực tế của Công ty để đề ra các chủ trương, nghị quyết và quyết định nhằm chỉ đạo kịp thời và tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Giám đốc Công ty hoàn thành nhiệm vụ SXKD. Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT đã thường xuyên tham gia các cuộc họp giao ban sản xuất để theo dõi, giám sát các hoạt động SXKD của Công ty và có ý kiến chỉ đạo trực tiếp tại các cuộc họp hoặc phối hợp cùng đồng chí Giám đốc xử lý, tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn nhằm tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho hoạt động SXKD của Công ty.

Năm qua, do ảnh hưởng của tình hình kinh tế thế giới và trong nước nên Công ty gặp một số khó khăn về chủ quan và khách quan trong sản xuất kinh doanh. Cụ thể như:



- Tình hình kinh tế vĩ mô trong nước không ổn định như lãi suất, lạm phát cao, giá xăng dầu, điện tăng dẫn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng gặp nhiều khó khăn đặc biệt là các khách hàng sản xuất vật liệu xây dựng làm sản lượng khí tiêu thụ giảm.
- Kinh tế thế giới vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức và diễn biến phức tạp. Lạm phát, giá dầu thô, nguyên liệu đầu vào của sản xuất có xu hướng tăng đe dọa sự bất ổn đến kinh tế của nhiều nước, trong đó có Việt Nam.
- Giá khí đầu vào tăng mạnh.
- Việc triển khai các dự án đầu tư gặp nhiều khó khăn do liên quan đến nhiều cơ quan ban ngành địa phương.

Nhưng với sự chỉ đạo sát sao của HĐQT, cùng với sự cố gắng nỗ lực của Ban Giám đốc, các phòng ban, đơn vị và tập thể CB.CNV, Công ty đã phấn đấu hoàn thành vượt mức kế hoạch SXKD năm 2011 được giao. Cụ thể:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2011	Thực hiện năm 2011	% Thực hiện/Kế hoạch
1	Sản lượng:	Triệu m3	520,62	533,62	103
2	Doanh thu	Tỷ đồng	3.158	3.342	106
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	172	405,07	236
4	Thuế và các khoản phải nộp NSNN	Tỷ đồng	87,95	180,41	205
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	129	303,76	235
6	Tỉ suất LNST/VĐL	%	30	70,8	236

Ngoài ra, trong các lĩnh vực hoạt động khác của Công ty, thông qua việc thường xuyên kiểm tra công tác điều hành của đồng chí Giám đốc. HĐQT đã thực hiện tốt việc chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ Giám đốc trong việc thực thi các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT. Kết quả trong năm 2011, Giám đốc Công ty đã triển khai thực hiện tốt các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT và lãnh đạo Công ty hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

2. Về công tác quyết định kế hoạch phát triển Công ty và quyết định các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Với quyền hạn và trách nhiệm của mình, năm 2011 HĐQT đã cố gắng làm tốt công tác xem xét, quyết định các vấn đề thuộc về chiến lược, kế hoạch phát triển Công ty và các vấn đề khác của Công ty đúng theo pháp luật, điều lệ Công ty quy định. Đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế nhưng bảo vệ quyền lợi và lợi ích của người lao động, của các Cổ đông của Công ty. Kết quả trong năm HĐQT đã tổ chức họp 17 lần (bằng hình thức họp tập trung và xin ý kiến bằng văn bản) để xem xét, xử lý và quyết định một số vấn đề chính, cụ thể như sau:

2.1 HĐQT đã xem xét, thông qua các quy chế của Công ty, bổ nhiệm nhân sự và định biên lao động của Công ty:

- Thông qua Quy chế phát ngôn của Công ty (NQ: 11/NQ-HĐQT/2011).
- Phê duyệt Quy chế thực hiện dân chủ tại Công ty (NQ: 15/NQ-HĐQT/2011).
- Thông qua nội dung thay đổi thành viên HĐQT Công ty (NQ: 13/NQ-HĐQT/2011).
- Thông qua Định biên năm 2011 và nhân sự đội Vận hành Nhơn Trạch – Hiệp Phước và đội hỗ trợ sản xuất (NQ: 10/NQ-HĐQT/2011).

2.2 HĐQT đã xem xét và quyết định một số chủ trương đầu tư phát triển của Công ty như sau:

- Thông qua nội dung điều chỉnh thời gian đầu tư dự án Hệ thống Phân phối Khí thấp áp tại các KCN huyện Nhơn Trạch tỉnh Đồng Nai Giai đoạn 2 (NQ: 07/NQ-HĐQT/2011).
- Phê duyệt quy hoạch Hệ thống phân phối khí thấp áp ở khu vực Bắc Bộ (NQ: 09/NQ-HĐQT/2011).

2.3 HĐQT đã xem xét và thông qua các nội liên quan đến kế hoạch, cổ tức, tiền lương, và một số nội dung khác:

- Phê duyệt chỉ tiêu kế hoạch năm 2011 của Công ty (NQ: 01/NQ-HĐQT/2011).
- Thông qua nội dung điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch sản lượng khí tiêu thụ năm 2011 (NQ:14/NQ-HĐQT/2011).
- Phê duyệt kế hoạch tiền lương năm 2011 (NQ :17/NQ-HĐQT/2011).
- Phê duyệt Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012 (NQ: 16/NQ-HĐQT/2011).
- Thông qua nội dung trình ĐHCĐ thường niên 2011 về tỉ lệ chia cổ tức bằng tiền năm 2010 (NQ :02/NQ-HĐQT/2011).
- Thông qua nội dung tạm trích đơn giá tiền lương năm 2011 (NQ: 03/NQ-HĐQT/2011).
- Thông qua nội dung xử lý số cổ phiếu lẻ của đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Công ty (NQ: 04/NQ-HĐQT/2011).

- Thông qua nội dung tài liệu trình ĐHĐCĐ thường niên 2011 (NQ: 05/NQ-HĐQT/2011).
- Thông qua nội dung chi thưởng Ban điều hành Công ty năm 2010 (NQ: 06/NQ-HĐQT/2011).
- Thông qua Báo cáo thường niên năm 2010 (NQ: 08/NQ-HĐQT/2011).
- Thông qua nội dung tạm ứng cổ tức lần 1/2011 (NQ: 12/NQ-HĐQT/2011).
- Tóm lại: Năm 2011, tuy có nhiều khó khăn về mọi mặt nhưng với tinh thần đoàn kết nhất trí cao HĐQT Công ty đã nỗ lực phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được ĐHĐCĐ giao phó. Đã thực hiện nghiêm và đầy đủ các quy định về quyền hạn và trách nhiệm của mình. Đã chỉ đạo, giám sát, phối hợp cùng với Ban Giám đốc, các phòng ban đơn vị trong Công ty khắc phục khó khăn, triển khai thực hiện thắng lợi kế hoạch năm 2011 đề ra. HĐQT cũng đã cùng đồng chí Giám đốc Công ty xem xét đề ra những chủ trương đầu tư chiến lược lâu dài nhằm không ngừng đưa Công ty ngày một phát triển bền vững.

II. Kế hoạch hoạt động của HĐQT Công ty năm 2012:

Trên cơ sở dự báo tình hình kinh tế thế giới và Việt Nam, dựa trên định hướng chiến lược phát triển Công ty, đồng thời phát huy những thành tích đã đạt được trong năm 2011, HĐQT đề ra kế hoạch hoạt động năm 2012 với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Tập trung chỉ đạo triển khai nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2012. Giám sát thường xuyên công tác thực hiện kế hoạch SXKD của Công ty, đồng thời hỗ trợ và phối hợp cùng đồng chí Giám đốc Công ty kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc để xử lý và quyết định những vấn đề phục vụ cho hoạt động SXKD của Công ty đạt hiệu quả cao nhất.
2. Chỉ đạo triển khai và đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư đã được HĐQT quyết định chủ trương, đảm bảo hoàn thành đúng tiến độ để đưa công trình vào hoạt động nhằm mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm. Tiếp tục hoàn thiện 02 dự án Hệ thống phân phối khí thấp áp cho các KCN tại huyện Nhơn Trạch - Đồng Nai giai đoạn I, Hiệp Phước - Nhà Bè giai đoạn I đã hoàn thành đưa vào chạy thử nghiệm thu từ cuối năm 2011 và sớm hoàn tất công tác quyết toán công trình. Bên cạnh đó, công ty đang đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án Hệ thống phân phối khí thấp áp cho các KCN tại huyện Nhơn Trạch - Đồng Nai giai đoạn II, khu vực Bắc Bộ và Hệ thống cấp LNG cho KCN Bình Dương.
3. Tiếp tục cùng Ban Giám đốc Công ty nghiên cứu bổ sung để ngày càng hoàn thiện chiến lược phát triển Công ty và các quy chế, quy trình phối hợp của Công ty.

Số: *01* /KTA- BKS

Tp. HCM, ngày 06 tháng 03 năm 2012

**BÁO CÁO
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2012
VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2011
VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2012**

PHẦN I - KẾT QUẢ KIỂM TRA, GIÁM SÁT NĂM 2011

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Căn cứ quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát được quy định tại Điều 123 của Luật Doanh nghiệp; Căn cứ vào Điều lệ Công ty CP Phân phối khí Thấp Áp Việt Nam; Căn cứ vào nhiệm vụ kế hoạch của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 thông qua. Trong năm 2011 Ban kiểm soát đã triển khai thực hiện nhiệm vụ như sau:

- Giám sát việc tuân thủ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty và tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành. Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh. Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
- Phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc kiểm tra giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh toàn Công ty. Giám sát trong việc quản lý, sử dụng nguồn vốn, tài sản, nhân lực và các nguồn lực khác của Công ty, nhằm đảm bảo sử dụng hiệu quả, chống thất thoát, lãng phí, tuân thủ đúng quy định, nội quy, quy chế của Công ty và pháp luật của Nhà nước.
- Thẩm định Báo cáo tài chính hàng quý và cả năm, đảm bảo tính đúng đắn minh bạch trong các báo cáo. Phân tích, đánh giá tình hình tài chính, khả năng bảo toàn và phát triển vốn của công ty.
- Công tác kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát được thực hiện liên tục, có hệ thống nhằm nắm bắt kịp thời thực trạng, hiệu quả hoạt động của Công ty, để giúp phát hiện và khắc phục kịp thời những tồn tại trong hệ thống quản lý, điều hành hoạt động và hệ thống kiểm soát nội bộ. Định kỳ hàng quý Ban Kiểm soát lập kế hoạch kiểm tra, giám sát, phân công trách nhiệm cho từng thành viên theo từng lĩnh vực. Thực hiện kiểm tra, giám sát theo kế hoạch đã đề ra và tổng kết lập Báo cáo kiểm tra, giám sát.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA GIÁM SÁT:

1. Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2011

- Năm 2011 Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông giao trên tất cả các chỉ tiêu: Sản lượng tiêu thụ năm 2011 thực hiện là 533,62 triệu m³, đạt 102,5% so với kế hoạch và bằng 116% so với cùng kỳ năm ngoái. Doanh thu thực hiện 3.342 tỷ đồng đạt 105,83 % kế hoạch và đạt 157,38% so với cùng kỳ năm ngoái; Lợi nhuận sau thuế thực hiện 303,76 tỷ đồng

đạt 236,02% so với kế hoạch và đạt 140,02% so với cùng kỳ năm ngoái. Các chỉ tiêu tài chính khác đều vượt kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao.

- Công tác đầu tư xây dựng và mua sắm thiết bị cũng đã được thực hiện một cách quyết liệt. Để đẩy mạnh công tác xây dựng cơ bản đúng tiến độ đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh, trước hàng loạt khó khăn vướng mắc Công ty đã có các giải pháp xử lý kịp thời giúp đẩy nhanh tiến độ xây dựng các dự án công trình nên đã hoàn thành kế hoạch đề ra. Trong năm 2011 đã xây dựng hoàn thành đưa vào sử dụng thành 02 công trình dự án lớn là hệ thống cấp khí thấp áp cho KCN Nhơn Trạch và Hiệp Phước; các dự án khác đang được triển khai theo đúng kế hoạch và tiến độ.
- Các công trình được thực hiện tuân thủ đúng các quy định của Luật Đấu thầu, các quy định về quản lý chất lượng, quản lý chi phí xây dựng công trình. Đã và đang được làm thủ tục quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành theo đúng quy định.
- Công ty tổ chức vận hành liên tục, an toàn hệ thống cấp khí cho khách hàng cũng như bảo vệ an toàn các trạm khí và hành lang an toàn tuyến ống; thực hiện hoàn thành kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ và kế hoạch bảo hộ lao động năm 2011.

Một số chỉ tiêu chính tình hình thực hiện kế hoạch năm 2011

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch Năm 2011	Thực hiện Năm 2011	% Thực hiện kế hoạch
1	Sản lượng	Triệu Sm3	520,62	533,62	102
2	Doanh thu	Tỷ đồng	3.158	3.342	105,83
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	171,60	405,07	236
4	Thuế và các khoản phải nộp NSNN	Tỷ đồng	87,95	180,41	205,13
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	128,70	303,76	236,02
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ vốn điều lệ	%	30	70,8	236

2. Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2011

- Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2011, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2011. Báo cáo được trình bày theo các mẫu báo cáo quy định của Bộ Tài chính.
- Việc ghi chép, mở sổ kế toán, phân loại các nội dung kinh tế, theo các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành.
- Các chỉ số tài chính cho thấy tình hình tài chính năm 2011 của Công ty là lành mạnh, khả năng thanh toán nợ đều đảm bảo, Công ty đã bảo toàn, phát triển vốn.
- Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty đã được thực hiện kiểm toán theo qui định tại Điều lệ Tổng công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2011, do Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam thực hiện.

3. Kết quả giám sát việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

- Mặc dù gặp rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng suy thoái kinh tế, nhưng với sự quyết tâm cao Hội Đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã có những quyết sách hết sức năng động, nhạy bén, sáng suốt để đưa Công ty vượt qua những khó khăn, tạo nên sự phát triển mạnh mẽ trong năm 2011.
- Mặt khác, các quyết định trong quản lý điều hành của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc công ty cũng đã thể hiện sự cẩn trọng cần thiết, hạn chế rủi ro, coi trọng tính hiệu quả, đã đưa Công ty phát triển đúng hướng trong chiến lược phát triển chung, luôn đảm bảo tuân thủ pháp luật nhà nước.
- Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị Tổng công ty đã tuân thủ theo đúng của Điều lệ Tổng công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đã được Ban Tổng giám đốc Công ty triển khai thực hiện theo đúng yêu cầu.
- Trong năm 2011, Ban lãnh đạo Công ty đã ban hành và hoàn thiện quy chế quản lý; tăng cường kiểm tra và chấn chỉnh việc tuân thủ các quy chế ban hành.

Lãnh đạo Công ty đã chú trọng thực hiện các biện pháp bảo toàn vốn như: công tác thu hồi công nợ được quan tâm sâu sát, sử dụng nhiều biện pháp để thu hồi, không chể công nợ. Thực hiện trích lập quỹ dự phòng tài chính đầy đủ, đúng quy định.

- Việc tuyển dụng, sử dụng, điều chuyển lao động hợp lý, đảm bảo hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Việc trả lương, thưởng và sử dụng các quỹ thực hiện đảm bảo công bằng, minh bạch theo đúng các quy chế đã được phê duyệt. Lãnh đạo Công ty đã chú trọng thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách cho người lao động theo quy định của pháp luật.

4. Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

- Giữa Ban Kiểm soát và Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty luôn có sự phối hợp chặt chẽ. Ban kiểm soát đã nhận được sự hợp tác, tạo điều kiện từ Hội

đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình, như việc cung cấp thông tin, tài liệu, cử cán bộ làm việc với Ban Kiểm soát khi có yêu cầu.

- Ban Kiểm soát được mời tham dự hầu hết các cuộc họp của Hội đồng quản trị, các cuộc họp giao ban của Công ty. Tại các cuộc họp này, Ban Kiểm soát cũng đã tham gia đóng góp ý kiến trên phương diện đảm bảo tính phù hợp trong các hoạt động của Công ty.
- Ban kiểm soát thực hiện thẩm định báo cáo Tài chính trước khi trình Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông. Báo cáo tổng kết công tác kiểm tra, kiểm soát hàng quý của Ban kiểm soát đều được gửi tới Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc.

III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

- Sau quá trình thực hiện kiểm tra giám sát trong năm 2011 vừa qua, Ban Kiểm soát nhất trí với Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, Báo cáo Tài chính và Phương án phân phối lợi nhuận năm 2011 của Công ty đưa ra. Kính đề nghị Đại hội thông qua Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo Tài chính và phương án phân phối lợi nhuận năm 2011 của Công ty.
- Sau khi nghiên cứu hồ sơ năng lực và dựa trên chất lượng dịch vụ kiểm toán của Công ty TNHH Deloitte đã được kiểm chứng qua kết quả thực hiện công việc kiểm toán tại Công ty từ năm 2007 đến nay, Ban kiểm soát đề xuất lựa chọn Công ty TNHH Deloitte là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính cho năm 2012 và Công ty TNHH KPMG Việt Nam là đơn vị kiểm toán dự bị, kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

PHẦN II - KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2012

Ban Kiểm soát tiếp tục thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông:

- Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2012. Giám sát việc chấp hành Điều lệ và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty. Giám sát tình hình triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012 và chiến lược phát triển Công ty đến năm 2015, định hướng đến năm 2025.
- Phối hợp với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc, các phòng chức năng Công ty trong việc kiểm tra, giám sát công tác quản lý tại các đơn vị cũng như tại văn phòng Công ty.
- Theo dõi, kiểm tra và giám sát quá trình chuẩn bị, triển khai và quyết toán các dự án đầu tư.
- Thẩm định báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo tài chính, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị năm 2012. Phân tích đánh giá tình hình tài chính, tình hình quản lý, sử dụng vốn, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ của Công ty. Giám sát việc quản lý vốn chủ sở hữu và quản lý phần vốn của Công ty đầu tư vào doanh nghiệp khác.

- Giám sát quá trình thực hiện tăng vốn điều lệ, chi trả cổ tức cho cổ đông theo Nghị quyết ĐHĐCĐ.

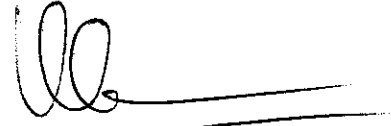
Trên đây là báo cáo tóm tắt tình hình hoạt động của Ban kiểm soát năm 2011 và phương hướng hoạt động chủ yếu của Ban kiểm soát năm 2012.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Thành viên HĐQT;
- Ban TGD, Ban KS;
- Lưu : VT, Thư ký HĐQT.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



VŨ QUÝ HIỆU

Số: 401/KTA – KHTH

TP. HCM, ngày 27 tháng 4 năm 2012

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG 2011 VÀ KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2012
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THẤP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM
(KTA)**

A. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG 2011

I. Tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2011

1. Đặc điểm tình hình chung:

a. Thuận lợi:

- Được sự chỉ đạo kịp thời của Lãnh đạo các cấp.
- Đội ngũ Lãnh đạo và CBCNV nhiệt tình, có kinh nghiệm.

b. Khó khăn:

- Tình hình kinh tế vĩ mô trong nước không ổn định như lãi suất, lạm phát cao, giá xăng dầu, điện tăng dẫn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng gặp nhiều khó khăn đặc biệt là các khách hàng sản xuất vật liệu xây dựng làm sản lượng khí tiêu thụ giảm.
- Kinh tế thế giới vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức và diễn biến phức tạp.

2. Tình hình thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu:

- Tổ chức vận hành liên tục, an toàn hệ thống cấp khí, cung cấp khí cho 29 khách hàng.
- Phối hợp chặt chẽ với các khách hàng, KVN và Công ty Khí Đông Nam trong việc đo đếm khí, ký kết các Biên bản giao nhận khí ngày, tháng đảm bảo số liệu khí đo đếm chính xác, không xảy ra tranh chấp khiếu nại.
- Hoàn thành kế hoạch Bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ năm 2011, các yêu cầu sửa chữa đột xuất và kế hoạch Bảo hộ lao động năm 2011.
- Thường xuyên tổ chức tuần tuyến, đảm bảo an toàn, an ninh cho toàn tuyến ống và trạm khí.
- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các quy định về an toàn hành lang tuyến ống cho các Ban quản lý, công an và bảo vệ các KCN, cũng như nhân dân xung quanh tuyến ống.
- Thực hiện tốt việc phối hợp với Công an, Chính quyền địa phương bảo vệ an ninh công trình khí.

- Tổ chức thành công Hội nghị an toàn năm 2011.
- Phối hợp với KVN và các đơn vị liên quan tổ chức thành công Hội nghị "Cung cấp khí LNG cho các khu công nghiệp tỉnh Bình Dương" vào tháng 6/2011.
- Hoàn thành việc đánh giá tái chứng nhận hệ thống quản lý AT-CL-MT do TUV Rheiland thực hiện vào tháng 7/2011.
- Hoàn thành phương án cấp khí CNG/đường ống cho các khách hàng thuộc khu vực KCN Tiền Hải – Thái Bình và các vùng lân cận.
- Hoàn thành ký phụ lục tăng giá khí quý 4/2011, giá bán khí năm 2012 với khách hàng.
- Đàm phán hợp đồng bao tiêu sản lượng khí với khách hàng.
- Hoàn thành và đưa vào sử dụng trạm cấp khí Malaya, phân bón Việt Nhật và Pancera do khách hàng tự đầu tư.
- Về đào tạo: Công ty chú trọng đến công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho CB.CNV nhằm đáp ứng tốt yêu cầu sản xuất kinh doanh. Trong năm 2011 đã đào tạo được 280 lượt người.
- Về khoa học công nghệ: Đã đưa đường truyền dữ liệu GC từ trạm off-take Phú Mỹ lên GDS Gò Dầu và phần mềm Quản lý bảo dưỡng sửa chữa Maximo vào sử dụng chính thức.

3. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu cơ bản:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch 2011	Thực hiện 2011	% TH/KH
1	Sản lượng: - Sản lượng ĐHĐCĐ thông qua - Sản lượng HĐQT điều chỉnh	Triệu Sm ³	611,56 520,62	533,62	103
2	Doanh thu	Tỷ đồng	3.158	3.342	106
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	172	405,07	236
4	Thuế và các khoản phải nộp NSNN	Tỷ đồng	87,95	180,41	205
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	129	303,76	235
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ vốn điều lệ	%	30	70,8	236

4. Công tác đầu tư xây dựng cơ bản

4.1 Dự án Hệ thống Phân phối Khí thấp áp cho các KCN huyện Nhơn Trạch

giai đoạn I:

- Tổng mức đầu tư được phê duyệt: 288 tỷ đồng.
- Kế hoạch vốn năm 2011: 109,25 tỷ đồng
- Thực hiện năm 2011: 76,72 tỷ đồng.
- Lũy kế vốn thực hiện từ khi khởi công đến hết năm 2011: 196,36 tỷ đồng.
- Tiến độ thực hiện: chạy thử, nghiệm thu công trình.

4.2 Dự án Hệ thống phân phối Khí thấp áp cho các KCN Thành phố Cần Thơ:

- Kế hoạch vốn năm 2011: 288 triệu đồng.
- Tiến độ thực hiện: tạm dừng chờ số liệu quy hoạch KCN Ô Môn và Bắc Ô Môn để vẽ sơ đồ hướng tuyến ống.

4.3 Dự án Hệ thống phân phối khí thấp áp cho các KCN khu vực Bắc Bộ:

- Kế hoạch vốn năm 2011: 5,53 tỷ đồng.
- Thực hiện năm 2011: 2,59 tỷ đồng.
- Tiến độ thực hiện: Lập dự án đầu tư xây dựng công trình.

4.4 Dự án cấp LPG cho các khách hàng tại Tiền Hải, Thái Bình

- Kế hoạch vốn năm 2011: 1,62 tỷ đồng.
- Tiến độ thực hiện: ngừng thực hiện do không hiệu quả.

4.5 Trụ sở làm việc PVGASD và PVGS tại khu đất An Phong

- Tổng mức đầu tư được duyệt: 69 tỷ đồng.
- Kế hoạch vốn năm 2011: 26 tỷ đồng.
- Thực hiện năm 2011: 20 tỷ đồng.
- Lũy kế vốn thực hiện từ khi khởi công đến hết năm 2011: 20 tỷ đồng.
- Tiến độ thực hiện: thi công phần móng và phần thân công trình.

4.6 Dự án Hệ thống phân phối khí thấp áp cho các KCN Hiệp Phước - Long Hậu giai đoạn I:

- Tổng mức đầu tư được phê duyệt: 44 tỷ đồng.
- Kế hoạch vốn năm 2011: 15,85 tỷ đồng.
- Thực hiện năm 2011: 18 tỷ đồng.
- Lũy kế vốn thực hiện từ khi khởi công đến hết năm 2011: 18 tỷ đồng.
- Tiến độ thực hiện: Hoàn thành xây dựng, lắp đặt.

4.7 Nâng cấp hệ thống cấp khí cho khách hàng Bia Hà Nội Vũng tàu

- Tổng mức đầu tư được phê duyệt: 4 tỷ đồng.
- Kế hoạch vốn năm 2011: 4 tỷ đồng.
- Thực hiện năm 2011: 2 tỷ đồng.
- Tiến độ thực hiện: Lập dự toán, SOW và lựa chọn nhà thầu thực hiện

30
HOC
P
HOC
D
TP

4.8 Hệ thống cấp khí cho khách hàng Thép Pomina

- Tổng mức đầu tư được phê duyệt: 14 tỷ đồng.
- Kế hoạch vốn năm 2011: 14 tỷ đồng.
- Thực hiện năm 2011: 5 tỷ đồng.
- Tiến độ thực hiện: lựa chọn nhà thầu thực hiện dự án

4.9 Hệ thống cấp khí thấp áp cho khách hàng ở Mỹ Xuân

- Tổng mức đầu tư được phê duyệt: 10 tỷ đồng.
- Kế hoạch vốn năm 2011: 10 tỷ đồng.
- Tiến độ thực hiện: Tạm dừng do khách hàng chưa có nhu cầu.

4.10 Trang thiết bị văn phòng

- Kế hoạch vốn năm 2011: 4,2 tỷ đồng.
- Thực hiện năm 2011: 2 tỷ đồng.
- Tiến độ thực hiện: Hoàn thành.

4.11 Trang bị nội thất trụ sở VP mới của Công ty, VP cho dự án Nhơn Trạch - Hiệp Phước

- Kế hoạch vốn năm 2011: 7 tỷ đồng.
- Thực hiện năm 2011: 9 tỷ đồng.
- Tiến độ thực hiện: Hoàn thành.

II. **Đánh giá chung:**

Sản lượng khí tiêu thụ năm 2011 thực hiện là 533,62 triệu m³, đạt 103% so với kế hoạch năm 2011 đã được điều chỉnh và bằng 116 % so với cùng kỳ năm ngoái.

Doanh thu đạt 3.342 tỷ đồng đạt 106% so với kế hoạch năm 2011 và đạt 157% so với cùng kỳ năm ngoái.

Lợi nhuận sau thuế đạt 303,76 tỷ đạt 236% so với kế hoạch năm 2011 và đạt 140% so với cùng kỳ năm ngoái.

Công tác đầu tư XD CB: 02 dự án lớn là Hệ thống cấp khí thấp áp cho KCN Nhơn Trạch và Hiệp Phước đã hoàn thành xây dựng lắp đặt và đi vào hoạt động, các dự án khác đang được tích cực triển khai.

Công tác an toàn – an ninh được chú trọng và triển khai tích cực, không để sự cố đáng tiếc nào xảy ra gây thiệt hại cho con người và tài sản cũng như uy tín của Công ty.

B. KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2012:

1. Nhiệm vụ kế hoạch chủ yếu:

- Tổ chức vận hành an toàn, hiệu quả và linh hoạt các hệ thống cấp khí thấp áp.
- Đẩy mạnh triển khai dự án đầu tư xây dựng Hệ thống cấp khí thấp áp cho các KCN Nhơn Trạch (giai đoạn 2), hệ thống cấp khí thấp áp cho khu

vực Bắc bộ, đảm bảo tiến độ và chất lượng công trình.

- Tiếp tục triển khai việc tăng giá khí bán cho khách hàng để tiếp cận giá khí trên thế giới trên cơ sở cạnh tranh với nhiên liệu khách hàng đang sử dụng.
- Tăng cường công tác phát triển thị trường tiêu thụ khí.
- Đầu tư phát triển các hệ thống phân phối khí thấp áp trên toàn quốc nhằm sẵn sàng tiêu thụ nguồn LNG nhập khẩu.

2. Các chỉ tiêu cơ bản của kế hoạch 2012:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch 2012
1	Sản lượng	Triệu Sm3	582,60
2	Tổng vốn đầu tư	Tỷ đồng	293,84
3	Doanh thu	Tỷ đồng	4.312
4	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tỷ đồng	172
5	Thuế và các khoản phải nộp NSNN	Tỷ đồng	86,29
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	129
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ vốn điều lệ	%	30

3. Công tác đầu tư xây dựng cơ bản

3.1 Hệ thống cấp khí thấp áp cho các KCN Nhơn Trạch GD1: QI/10-QI/12, - GD2: QI/12-QIV/17

- Tổng mức đầu tư được phê duyệt: 406 tỷ đồng.
- Kế hoạch vốn năm 2012: 111,12 tỷ đồng.
- Tiến độ thực hiện: Quyết toán giai đoạn 1 và thực hiện đầu tư giai đoạn 2

3.2 Hệ thống cấp khí thấp áp khu vực Bắc Bộ

- Tổng mức đầu tư: 54.714.715 USD.
- Kế hoạch vốn năm 2012: 91,54 tỷ đồng.
- Tiến độ thực hiện:
 - + Phê duyệt Dự án đầu tư, Kế hoạch đấu thầu: Quý II/2012.
 - + Ký kết các hợp đồng thiết kế; Mua sắm vật tư thiết bị; Thi công xây dựng công trình: Quý IV/2012.
 - + Khởi công xây dựng: Quý IV/2012.
 - + Nghiệm thu và bàn giao công trình đưa vào sử dụng: 03/9/2013.

3.3 Trụ sở làm việc PVGASD và PVGS tại khu đất An Phong.

- Tổng mức đầu tư được phê duyệt: 69 tỷ đồng.
- Kế hoạch vốn năm 2012: 14,50 tỷ đồng.
- Tiến độ thực hiện: Hoàn thành DA, đưa vào sử dụng

3.4 Hệ thống cấp LNG cho KCN Bình Dương

- Kế hoạch vốn năm 2012: 2,6 tỷ đồng.
- Quá trình triển khai: KTA đã xây dựng phạm vi công việc, thuê tư vấn lập dự án đầu tư. Do KVN đã giao cho Công ty CP Kinh doanh Khí hoá lỏng Miền Nam (KMN) thực hiện dự án phân phối LNG cho các khách hàng ở Bình Dương vì các khách hàng này hiện đang sử dụng CNG của KMN nên KTA đã tạm dừng triển khai dự án.

3.5 Hệ thống cấp khí thấp áp cho các KCN tại Hiệp Phước- Long Hậu giai đoạn 1

- Tổng mức đầu tư được phê duyệt: 44 tỷ đồng.
- Kế hoạch vốn năm 2012: 26,08 tỷ đồng.
- Tiến độ thực hiện: Hoàn thành quyết toán công trình.

3.6 Hệ thống cấp khí thấp áp cho khách hàng ở Phú Mỹ - Mỹ Xuân - Gò Dầu

- Tổng mức đầu tư: 30 tỷ đồng.
- Kế hoạch vốn năm 2012: 30 tỷ đồng.
- Tiến độ thực hiện: Hoàn thành DA, đưa vào sử dụng

3.7 Trang bị nội thất VP mới của XNVT, VP cho dự án Nhơn Trạch - Hiệp Phước

- Kế hoạch vốn năm 2012: 10 tỷ đồng.
- Tiến độ thực hiện: Hoàn thành.

3.8 Lắp đặt hạ tầng công nghệ thông tin

- Kế hoạch vốn năm 2012: 5,7 tỷ đồng.
- Tiến độ thực hiện: Hoàn thành.

3.9 Trang thiết bị văn phòng

- Kế hoạch vốn năm 2012: 2,1 tỷ đồng.
- Tiến độ thực hiện: Hoàn thành.

4. Giải pháp thực hiện

4.1 Giải pháp về sản xuất:

- Vận hành hệ thống cấp khí đúng quy trình, cấp khí liên tục cho khách hàng.
- Thực hiện công tác sửa chữa đột xuất kịp thời và bảo dưỡng sửa chữa định kỳ đúng tiến độ, quy trình kỹ thuật, đồng thời kết hợp thực hiện trong thời gian dừng khí của KVN để hạn chế tối đa việc ngưng cấp khí cho khách hàng.

4.2 Giải pháp về kinh doanh:

- Tăng cường gặp gỡ và trao đổi với khách hàng để nắm bắt và thoả mãn nhu cầu, nguyện vọng của khách hàng.
- Hỗ trợ khách hàng kịp thời, hiệu quả để khách hàng có thể tăng sản lượng khí tiêu thụ.
- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu thị trường, phân tích, đánh giá nhu cầu của khách hàng để mở rộng thị trường phân phối khí tại các KCN Nhơn Trạch - Đồng Nai, Hiệp Phước – Tp. HCM, Bình Dương và Bắc Bộ.
- Phối hợp chặt chẽ với KVN để đảm bảo nguồn khí cấp cho khách hàng.

4.3 Giải pháp về an toàn:

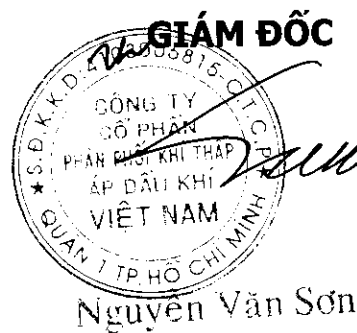
- Duy trì và cải tiến hệ thống quản lý tích hợp AT-CL-MT theo tiêu chuẩn ISO 9001, ISO14001, OHSAS 18001.
- Phối hợp các lực lượng (khách hàng, PC23, ban quản lý KCN) diễn tập ứng cứu sự cố khẩn cấp và hội thao PCCC.
- Tăng cường công tác tuần tuyến, đảm bảo an toàn, an ninh cho toàn tuyến ống và trạm khí.

4.4 Giải pháp về đầu tư, xây dựng:

- Tuân thủ, cập nhật kịp thời các quy định pháp luật trong đầu tư xây dựng.
- Theo dõi, đôn đốc và giám sát chặt chẽ việc thực hiện các hợp đồng đầu tư xây dựng cơ bản.
- Phối hợp một cách hiệu quả cũng như hỗ trợ các nhà thầu một cách tối đa.

4.5 Giải pháp về tài chính:

- Tăng cường kiểm tra, giám sát, đảm bảo minh bạch và hiệu quả trong quản lý tài chính.
- Thực hiện tốt công tác thu hồi nợ của khách hàng.
- Chủ động tìm hiểu để có phương án thu xếp vốn đầy đủ và kịp thời cho các dự án đã được phê duyệt

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Sơn

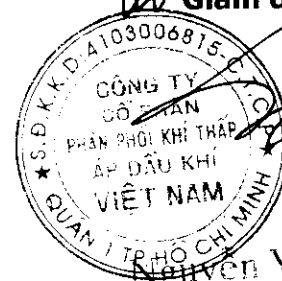
TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THẤP ÁP

BÁO CÁO DỰ KIẾN KẾ HOẠCH KQ SXKD, PHƯƠNG ÁN TRÍCH LẬP CÁC QUỸ, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN, CHIA CỔ TỨC NĂM 2012 CỦA PV GAS D

Stt	Chi tiêu	ĐVT	Giá trị	Ghi chú
1	Vốn điều lệ	Tỷ đ	429	
2	Doanh thu	Tỷ đ	4.312	
3	Giá vốn hàng bán	Tỷ đ	3.878	
4	Tổng chi phí	Tỷ đ	277	
5	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tỷ đ	172	
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đ	129	
7	Trích quỹ Đầu tư Phát triển (15%)	Tỷ đ	19,35	
8	Trích quỹ dự phòng tài chính (5%)	Tỷ đ	6,45	
9	Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (5%)	Tỷ đ	6,45	
10	Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi (3 tháng lương)	Tỷ đ	10,00	
11	Khen thưởng cho Ban Điều hành CTy	Tỷ đ	0,30	
12	Chia cổ tức bằng tiền mặt(20%/VĐL)	Tỷ đ	85,80	
13	Lợi nhuận giữ lại	Tỷ đ	0,65	

Ngày 27 tháng 4 năm 2012

Vi Giám đốc



Nguyễn Văn Sơn

Số: ..03../TTr-HĐQT

TP. HCM, ngày.06.tháng.3...năm 2012

TỜ TRÌNH

V/v Sửa đổi điều lệ Công ty

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ công văn số 116/2012/SGDHCM-NY ngày 17/1/2012 của Sở giao dịch chứng khoán Tp. HCM về việc Quy định cụ thể tỷ lệ thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Căn cứ vào đề nghị của Ông Giám đốc Công ty và nhu cầu thực tế của Công ty,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua nội dung sửa đổi Điều lệ của Công ty như sau:

1. Xin sửa nội dung các danh từ "Tổng Giám đốc" và "Phó Tổng Giám đốc" trong điều lệ thành "Giám đốc" và "Phó Giám đốc".
2. Điều 1, khoản 1, mục d về việc "Định nghĩa các thuật ngữ trong Điều lệ":
Điều lệ hiện hành: "Cán bộ quản lý" là Tổng Giám đốc điều hành, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn.
Điều lệ sau khi sửa đổi: "Cán bộ quản lý" là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng.
3. Bổ sung vào Điều 22 mục 2 về Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông như sau:
Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.
4. Điều 2, khoản 3 về Trụ sở đăng ký của Công ty:
Điều lệ hiện hành: Trụ sở đăng ký của Công ty là:



- Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà CitiLight, Số 45 Võ Thị Sáu, P.ĐaKao, Q.1, Tp.HCM
- Điện thoại : 08.39100616
- Fax : 08.39100615
- E-mail : pvgasd@vnn.vn
- Website : <http://www.pvgasd.com.vn>

Điều lệ sau khi sửa đổi: Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ : Lầu 7, tòa nhà Pvgas Tower, Số 673 Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, Tp.HCM.
- Điện thoại : 08.37840445
- Fax : 08.37840446
- E-mail : pvgasd@vnn.vn
- Website : <http://www.pvgasd.com.vn>

Trân trọng!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Văn Huệ



V/v Chọn đơn vị kiểm toán năm 2012

Kính gửi: ĐAI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam;
Căn cứ vào năng lực của các Công ty kiểm toán;

Căn cứ vào đề nghị của Ông Giám đốc Công ty tại Tờ trình số 02/TTr-KTA ngày 05 tháng 03 năm 2012 về nội dung tài liệu trình ĐHQĐĐ thông qua,

Hội đồng quản trị Công ty (HĐQT) kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty (ĐHĐCĐ) Danh sách các công ty Kiểm toán đủ điều kiện kiểm toán như sau:

- 1) Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.
- 2) Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C).
- 3) Công ty TNHH KPMG Việt Nam.

Trong các Công ty kiểm toán trên thì Công ty TNHH Deloitte Việt Nam là đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín và kinh nghiệm, đã tham gia kiểm toán cho Công ty từ năm 2007 đến 2011 và các báo cáo kiểm toán luôn đảm bảo về chất lượng, đạt yêu cầu về tiến độ. Vì vậy HĐQT kính đề nghị ĐHĐCĐ chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2012 như sau:

- Chọn Công ty TNHH Deloitte Việt Nam - Là đơn vị kiểm toán chính thức cho Công ty năm 2012.
- Chọn Công ty Kiểm toán và Tư vấn (A&C) - Là đơn vị kiểm toán dự bị (đây là đơn vị sẽ thực hiện kiểm toán cho Công ty trong trường hợp Công ty TNHH Deloitte Việt Nam không đáp ứng kịp tiến độ do Công ty đề ra hoặc phí kiểm toán không cạnh tranh so với các đơn vị kiểm toán khác).

Trân trọng!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

- Như trên;
- Lưu VT, HĐQT.



Phạm Văn Huệ

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI
KHÍ THẤP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .04../TTr-HĐQT

TP. HCM, ngày 06 tháng 3 năm 2012

TỜ TRÌNH

V/v Thay đổi thành viên HĐQT

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ nghị quyết HĐQT số 13/NQ-HĐQT/2011 ngày 04/10/2011 về việc Thông qua nội dung thay đổi thành viên HĐQT Công ty,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua nội dung Thay đổi thành viên HĐQT Công ty như sau:

1. Thông qua nội dung miễn nhiệm chức danh Ủy viên HĐQT Công ty đối với Ông Đoàn Quang Vinh - Ủy viên HĐQT kể từ ngày 04 tháng 10 năm 2011.
Lý do: Ông Đoàn Quang Vinh có đơn xin từ nhiệm.
2. Thông qua nội dung bổ nhiệm chức danh Ủy viên HĐQT Công ty đối với Ông Trần Đức Sơn kể từ ngày 04 tháng 10 năm 2011.

Trân trọng!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phạm Văn Huệ

Số: .05.../TTr-HĐQT

TP. HCM, ngày 27 tháng 4 năm 2012

TỜ TRÌNH

V/v Thông qua chủ trương đầu tư dự án
Hệ thống phân phối khí thấp áp cho KCN Tiền Hải – Thái Bình

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ vào đề nghị của Ông Giám đốc Công ty,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua chủ trương đầu tư dự án Hệ thống phân phối khí thấp áp cho KCN Tiền Hải – Thái Bình đồng thời ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty xem xét phê duyệt dự án đầu tư, điều chỉnh dự án đầu tư (nếu có) và phương án liên doanh liên kết (nếu có), đồng thời giao cho Giám đốc Công ty thực hiện công tác đầu tư theo quy định của pháp luật. Thông tin tóm tắt về dự án như sau:

1. Tên dự án: Hệ thống phân phối khí thấp áp cho KCN Tiền Hải – Thái Bình.
Dự án gồm 2 phần: Hệ thống phân phối khí thấp áp cho KCN Tiền Hải bằng đường ống và trạm nén CNG Tiền Hải – Thái Bình.
2. Địa điểm xây dựng: KCN Tiền Hải, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.
3. Quy mô công suất (dự kiến):
 - Công suất thiết kế tối đa của tuyến ống: 1 triệu m³ khí /ngày đêm.
 - Công suất trạm nén CNG: 150 triệu m³ khí/năm.
4. Số lượng khách hàng (dự kiến):
 - Khách hàng sử dụng khí đường ống: 15.
 - Khách hàng sử dụng CNG: 14.
5. Tổng mức đầu tư (tạm tính): 54.714.715 USD.
6. Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam.
7. Tiến độ triển khai thực hiện đầu tư (dự kiến): Quý III/2012.
8. Tiến độ cấp khí (dự kiến): 02/9/2013 (theo tiến độ “first gas” của dự án Hàm Rồng – Thái Bình).

Trân trọng!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phạm Văn Huệ